ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19 /2014/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 16 tháng 7 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định giá dịch vụ các loại xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 129/2010/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/8/2010 của liên Bộ Tài chính - Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính về việc Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 53/TTr-SGTVT.PC ngày 15/4/2014; Báo cáo thẩm định số 102/BC-STP ngày 07/5/2014 của Giám đốc Sở Tư pháp; Công văn số 898/STC-GCS ngày 22/5/2014 của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định giá dịch vụ các loại xe hoạt động theo tuyến cố định và không theo tuyến cố định khi ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

b) Các loại xe không thuộc quy định tại Điều 2 Quyết định này thì không phải nộp phí ra, vào bến xe ô tô được quy định tại Quyết định này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân được cấp phép đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác bến xe ô tô các loại trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa theo tuyến cố định và không theo tuyến cố định trên đường bộ khi ra, vào bến xe ô tô các loại trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quy định giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô

1. Đối với các loại xe ô tô chạy theo tuyến cố định

a) Mức giá xe ra, vào bến cho một chuyến xe được xác định bằng số ghế trên xe theo sổ kiểm định an toàn kỹ thuật nhân với đơn giá quy định.

b) Đơn giá quy định của từng loại xe

- Đối với các loại xe ghế ngồi:

Đơn vị tính: đồng/ghế

TT	Loại bến xe	Đơn giá quy định				Ghi chú
		< 100km	100km - < 200km	200km - 500km	> 500km	
1	Bến loại 1	3.200	4.100	4.500	4.900	
2	Bến loại 2	3.100	3.900	4.300	4.700	
3	Bến loại 3	2.900	3.700	4.100	4.500	
4	Bến loại 4	2.800	3.500	3.800	4.200	
5	Bến loại 5	2.600	3.300	3.600	4.000	
6	Bến loại 6	2.500	3.100	3.500	3.800	

- Đối với các loại xe giường nằm:

Đơn vị tính: đồng/giường

TT	Loại bến xe	Đơn giá quy định				Ghi chú
		< 100km	100km - < 200km	200km - 500km	> 500km	
1	Bến loại 1	4.600	5.300	5.800	6.400	
2	Bến loại 2	4.400	5.000	5.500	6.100	
3	Bến loại 3	4.100	4.800	5.300	5.800	
4	Bến loại 4	3.900	4.500	5.000	5.500	
5	Bến loại 5	3.700	4.300	4.700	5.200	
6	Bến loại 6	3.500	4.100	4.500	4.900	

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Đối với các loại xe không theo tuyến cố định

TT	Loại xe	Đơn vị tính	Mức giá quy định			Ghi chú
			Bến xe loại 1, 2	Bến xe loại 3, 4	Bến xe loại 5, 6	
1	Xe taxi ra, vào bến đón, trả khách	đồng/ chuyến-xe	10.000	7.500	5.000	
2	Xe tải dưới 3,5 tấn ra, vào bến giao, nhận hàng	đồng/ chuyến-xe	10.000	7.500	5.000	
3	Xe tải từ 3,5 tấn đến 5 tấn ra, vào bến giao, nhận hàng	đồng/ chuyến-xe	15.000	10.000	8.000	
4	Xe tải từ trên 5 tấn đến 10 tấn ra, vào bến giao, nhận hàng	đồng/ chuyến-xe	20.000	18.000	10.000	
5	Xe tải từ trên 10 tấn đến 20 tấn trở lên ra, vào bến giao, nhận hàng	đồng/ chuyến-xe	30.000	25.000	20.000	
6	Xe khách từ 16 chỗ trở xuống ra, vào bến giao, nhận hàng hoặc đón, trả khách	đồng/ chuyến-xe	15.000	10.000	8.000	Kể cả xe vãng lai
7	Xe khách trên 16 đến 30 chỗ ra, vào bến giao, nhận hàng hoặc đón, trả khách	đồng/ chuyến-xe	20.000	18.000	10.000	Kể cả xe vãng lai
8	Xe khách trên 30 chỗ ra, vào bến giao, nhận hàng hoặc đón, trả khách	đồng/ chuyến-xe	30.000	25.000	20.000	Kể cả xe vãng lai
9	Xe buýt ra vào bến	đồng/ chuyến-xe	20.000	15.000	10.000	
10	Xe trung chuyển từ 7 chỗ ngồi trở xuống ra, vào bến nhận hàng hoặc đón, trả khách	đồng/ tháng-xe	180.000	135.000	90.000	
11	Xe trung chuyển từ trên 7 chỗ ngồi đến 16 chỗ ra, vào bến nhận hàng hoặc đón, trả khách	đồng/ tháng-xe	360.000	270.000	180.000	
12	Xe trung chuyển trên 16 chỗ ra, vào bến giao, nhận hàng hoặc đón, trả khách	đồng/ tháng-xe	720.000	540.000	360.000	

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Mức giá xe ra, vào bến xe ô tô như trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính công bố, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định này; tăng cường kiểm tra đối với các đơn vị vận tải về việc thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định này; thường xuyên theo dõi sự biến động của giá cả thị trường, mức độ đầu tư cơ sở vật chất các bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh giá dịch vụ xe ra, vào bến cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương và theo quy định pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cổng TT điện tử tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Phòng Xây dựng (Ng);
- Lưu: VT, Ktr22/7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Tiến Dũng

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn